

Bản án số: **20/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/6/2020

"Về việc ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:- Đoàn Thị Huệ

- Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: không.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng Q**, sinh năm 1981 (vắng mặt có đơn);

Địa chỉ: Ấp Đồi Đá, xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Anh **Ngô Văn Th**, sinh năm 1979 (vắng mặt có đơn);

Địa chỉ: Ấp 10 Chợ A, xã Đông Hưng, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 12/5/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng Q trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Q và anh Th kết hôn với nhau năm 2013, tại UBND xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh và được chứng nhận kết hôn.

Quá trình chung sống thì chị Q và anh Th không hợp nhau về cách sống, mỗi người có chí hướng riêng, chỉ sống chung với nhau được 4 tháng thì chia

tay nhau, chị Q kéo dài thời gian để thử thách vợ chồng có về đoàn tụ được không nhưng không mang lại hiệu quả mà sống ly thân nhau cho đến nay, nên chị Q làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với anh Th.

- Về con chung: Chị Q xác định trong thời kỳ hôn nhân thì chị và anh Th không có con, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản và nợ; Chị Q xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 20/5/2020 bị đơn anh Ngô Văn Th trình bày:

Anh Th và chị Q kết hôn với nhau năm 2013, tại UBND xã Lộc Khánh, huyện Lộc Ninh, thời gian chung sống hạnh phúc cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân sống chung gia đình bên vợ nên không hợp nhau, không có tiếng nói chung, nên anh Th bỏ nhà đi, sống ly thân với chị Q cho đến nay, trong thời gian ly thân nhau thì anh và chị Q không liên lạc nhau, đến đầu năm 2020 anh về ấp 10 Chợ A, xã Đông Hưng, huyện An Minh sinh sống và làm ăn thì chị Q làm đơn yêu cầu ly hôn.

Nay theo yêu cầu ly hôn của chị Q thì anh Th có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh Th đồng ý ly hôn với chị Q.
- Về con chung: Anh Th xác định không có con chung.
- Về tài sản; Về nợ chung: Anh Th xác định không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị Q và anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên cả hai không ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật như, tổ chức và thông báo cho các bên đương sự đến để công khai chứng cứ và hòa giải, thì chị Q và anh Th có đơn đề nghị hòa giải và xét xử vắng mặt nên được xác định đây là vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung chị Q và anh Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án vắng mặt chị Q và anh Th theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng: Chị Q và anh Th có đăng ký kết năm 2013, chị Q xin ly hôn với anh Th, được xác định là hôn nhân hợp pháp là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q đối với anh Th thì thấy rằng: tình trạng hôn nhân giữa chị Q và anh Th đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên anh Th bỏ nhà đi không sống chung với chị Q (ly thân) từ năm 2013 cho đến nay, cuộc sống vợ chồng không sống chung với nhau một thời gian dài được xác định vợ chồng không ai quan tâm gì với nhau, chị Quế xác định chị và anh Thanh không thể tiếp tục chung sống với nhau, chị yêu cầu được ly hôn với anh Th HĐXX xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị Q và anh Th đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q cho chị được ly hôn với anh Th phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[4]. Về con chung: Chị Q và anh Th xác định trong thời kỳ hôn nhân không có con chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5]. Về tài sản và nợ chung: Chị Q và anh Th xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí của Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Hồng Q được ly hôn với anh Ngô Văn Th.

[2]. Về con chung: Chị Q và anh Th xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4]. Về tài sản và nợ chung: Chị Q và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Q nộp theo biên lai số 0007821 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị Q đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản chính của bản án này niêm yết theo thủ tục Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Mỹ Huê

Nơi gửi;

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã Lộc Khánh-Lộc Ninh;